Có hai loại âm thanh trong ngôn ngữ tự nhiên: nguyên âm và phụ âm. Nguyên âm là một âm thanh, được tạo ra với một giọng nói mở; và phụ âm được phát âm theo cách mà hơi thở bị tắc nghẽn ít nhất một phần. Ví dụ: chữ **a** và **o** được sử dụng để thể hiện âm nguyên âm, trong khi chữ **b** và **p** là phụ âm (ví dụ: **bad**, **pot**).

Một số chữ cái có thể được sử dụng để thể hiện cả âm nguyên âm và phụ âm: ví dụ: \mathbf{y} có thể được sử dụng làm nguyên âm (ví dụ: \mathbf{silly}) hoặc làm phụ âm (ví dụ: \mathbf{yellow}). Chữ \mathbf{w} , thường được sử dụng làm phụ âm (ví dụ: \mathbf{wet}) có thể tạo ra nguyên âm sau một nguyên âm khác (ví dụ: \mathbf{growth}) trong tiếng Anh và trong một số ngôn ngữ (ví dụ tiếng Wales), nó thậm chí có thể là nguyên âm duy nhất trong một từ.

Trong bài toán này, ta coi \mathbf{y} và \mathbf{w} là nguyên âm, vì vậy có bảy nguyên âm trong bảng chữ cái tiếng Anh: \mathbf{a} , \mathbf{e} , \mathbf{i} , \mathbf{o} , \mathbf{u} , \mathbf{w} và \mathbf{y} , tất cả các chữ cái khác là phụ âm.

Gọi đối tính phụ âm của một xâu là số lượng các cặp chữ cái liên tiếp trong xâu mà cả hai đều là phụ âm và và không cùng là chữ hoa hay thường (chữ thường và chữ hoa hoặc ngược lại). Ví dụ: đối tính phụ âm của chuỗi *Consonants* là 2, đối tính phụ âm của chuỗi *destruction* là 3 và đối tính phụ âm của chuỗi *stRenGtH* là 5.

Cho xâu **s** chỉ chứa các chữ cái la tinh thường. Hãy đổi một số chữ cái thành chữ hoa tương ứng để đảm bảo không có chữ cái nào xuất hiện trong xâu dưới vừa là chữ hoa vừa là chữ thường và đối tính phu âm trong xâu nhân được là lớn nhất.

Dữ liệu: Vào từ file văn bản CONSONANT.INP: gồm một dòng chứa xâu \mathbf{s} chỉ chứa các chữ cái la tinh thường đô dài không quá 10^6 .

Kết quả: Đưa ra file văn bản CONSONANT.OUTmột dòng chứa xâu đã biến đổi có đối tính phụ âm trong xâu nhận được là lớn nhất.

Ví du:

CONSONANT.INP

strength

CONSONANT.OUT

StRenGtH

